

## TƯ LIỆU THAM KHẢO ĐỂ HIỆU ĐÍNH, CHÚ THÍCH

1. Bùi Thế Đạt (1774), *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* (trong *Hồng Đức bản đồ*), Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1962.
2. Đặng Trọng An (1804), *Nam Hà ký văn*, bản chép chữ Hán, ký hiệu VHV.02663 của Thư viện Khoa học Kỹ thuật Trung ương, Hà Nội.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập IV, bản dịch Cao Huy Giu, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.
4. Đỗ Bá Công Đạo (thế kỷ XVII), *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* (trong *Hồng Đức bản đồ*), Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1962.
5. Hà Văn Thư - Trần Hồng Đức, *Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001.
6. Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995.
7. Lê Quý Đôn (1776), *Phủ biên tạp lục*, bản dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tái bản 1977.
8. Nguyễn Khoa Chiêm, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, bản dịch Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tái bản 2003.
9. Nguyễn Văn Sâm, *Văn học Nam Hà*, Lửa Thiêng xuất bản, Sài Gòn, 1972.
10. Phạm Nguyễn Du (1777), *Nam hành ký đắc tập*, bản chép chữ Hán, ký hiệu A.2939, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
11. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Văn học, Hà Nội, tái bản 2001.
12. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế, tái bản 1996.
13. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tái bản 2002.
14. Tôn Thất Cỗn, *Hoàng tộc lược biên*, bản đánh máy, không ghi năm.
15. Tôn Thất Tĩnh, *Gia phả Đệ nhất hệ, Phòng Lãng quận công*, bản chép tay, không ghi năm.
16. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, in lần thứ 7, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2000.